

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NG
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 01 – 2022

“Về việc tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Bá Linh

Ông Nguyễn Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Ng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021. Về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô rô, xã Tân Ân. huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô rô, xã Tân Ân. huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 và các lời khai của nguyên đơn Chị Dương Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và Anh Nguyễn Hoàng D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, Anh D không quan tâm đến cuộc sống gia đình, Anh D thường xuyên đánh đập vợ con. Đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên Chị L yêu cầu ly hôn với Anh D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con: Dương Thị Ngọc E, sinh năm 2000; Dương Thị Thùy D, sinh năm 2004 và Dương Hoàng Gia H, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2019 hiện nay đang ở cùng vợ chồng tôi. Sau khi ly

hôn Chị L yêu cầu được nuôi cháu Dương Thị Thùy D, sinh năm 2004 và Dương Hoàng Gia H, sinh năm 2019 không yêu cầu Anh D cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Dương Thị Ngọc E đã trưởng thành, sống tự lập và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị L xác định trong thời gian chung sống chị và Anh D có tài sản chung nH vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị L xác định trong thời gian chung sống chị và Anh D không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn Anh Nguyễn Hoàng D trình bày*: Về thời gian kết hôn như Chị L trình bày là đúng, trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên mâu thuẫn không lớn, muốn hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng, nay Chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung có 03 người tên: Dương Thị Ngọc E, sinh năm 2000; Dương Thị Thùy D, sinh năm 2004 và Dương Hoàng Gia H, sinh năm 2019 hiện nay đang ở cùng vợ chồng tôi. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Dương Thị Thùy D, sinh năm 2004 và Dương Hoàng Gia H, sinh năm 2019. Yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật còn về cháu Dương Thị Ngọc E đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản, không có nợ ai nên không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Chị L và Anh D là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Anh D có địa chỉ tại ấp Ô Rô, xã Tân Ân, huyện Ng, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Ng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị L và Anh D xác lập quan hệ hôn nhân năm 1999 không có đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của Chị L và Anh D không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày

09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của Chị L và Anh D là vợ chồng.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Dương Thị Ngọc E, sinh năm 2000; Dương Thị Thùy D, sinh năm 2004 và Dương Hoàng Gia H, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2019 hiện nay đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn Chị L yêu cầu được nuôi cháu Dương Thị Thùy D và Dương Hoàng Gia H, không yêu cầu Anh D cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Dương Thị Ngọc E đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống cho cháu Dương Thị Thùy D và Dương Hoàng Gia H thì Chị L có đủ điều kiện. Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định cụ thể: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con ...”*. Tính đến thời điểm hiện tại cháu Dương Hoàng Gia H mới được hơn 30 tháng. Do con còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý bình thường của cháu H. Đối với Anh D là cha của cháu H, vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho Chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dương Thị Thùy D, sinh năm 2004 và Dương Hoàng Gia H, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2019.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu Anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu, Anh D không ý kiến gì nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng không có nợ chung, Anh D không ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 09, 14, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận Chị Dương Thị L và Anh Nguyễn Hoàng D là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho Chị Dương Thị L được tiếp tục nuôi cháu Dương Thị Thùy D, sinh năm 2004 và Dương Hoàng Gia H, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2019.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Dương Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, Chị L có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019817 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Anh D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ng;
- CC THA huyện Ng;
- Dương sự;
- UBND xã Tân Ân;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính